

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ Y TẾ****BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2015/TT-BYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT**
ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế
hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm*Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;**Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm;**Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm:***Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2012/TT-BYT) như sau:****1. Bổ sung Phụ lục 1 Danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BYT như sau:**

INS	TÊN PHỤ GIA		CHỨC NĂNG
	<i>Tiếng Việt</i>	<i>Tiếng Anh</i>	
153	Carbon thực vật	Vegetable carbon	Phẩm màu
163(v)	Màu bắp cải đỏ	Red cabbage colour	Phẩm màu
363	Acid succinic	Succinic acid	Chất điều chỉnh độ acid
515(ii)	Kali hydro sulfat	Potassium hydrogen sulfate	Chất điều chỉnh độ acid
639	DL-Alanin	Alanin, DL-	Chất điều vị
640	Glycin	Glycine	Chất điều vị
958	Glycyrrhizin	Glycyrrhizin	Chất điều vị, chất tạo ngọt

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 giới hạn tối đa đối với phụ gia trong thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 27/2012/TT-BYT theo Phụ lục sửa đổi, bổ sung giới hạn tối đa đối với một số phụ gia trong thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Quy định chuyển tiếp như sau: Phụ gia thực phẩm, sản phẩm thực phẩm có sử dụng phụ gia thực phẩm đã được cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được sử dụng đến hết thời hạn hiệu lực được ghi trong Giấy Tiếp nhận hoặc Giấy Xác nhận.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

2. Cục An toàn thực phẩm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế) để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIỚI HẠN TỐI ĐA
ĐỐI VỚI MỘT SỐ PHỤ GIA TRONG THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2015)

CURCUMIN

INS	Tên phụ gia
100(i)	Curcumin

Mã nhóm thực phẩm	Nhóm thực phẩm	ML (mg/kg)	Ghi chú
01.1.2	Đồ uống từ sữa, có hương liệu và/hoặc lên men (VD: sữa sô cô la, sữa cacao, bia trứng, sữa chua uống, đồ uống từ whey...)	100	
01.2.1	Sữa lên men (nguyên chất)	100	CS243
01.6.1	Pho mát tươi	GMP	CS221, CS283
01.7	Đồ tráng miệng từ sữa (VD: bánh putđinh, sữa chua quả hoặc có hương liệu...)	GMP	
02.1	Dầu và mỡ tách nước	5	
02.1.3	Mỡ lợn, mỡ động vật, dầu cá và mỡ động vật khác	5	CS211
02.2.2	Mỡ phết, mỡ phết dạng sữa và phết hỗn hợp	5	CS253
02.2.2	Mỡ phết, mỡ phết dạng sữa và phết hỗn hợp	10	CS256
03.0	Kem lạnh thực phẩm, bao gồm nước hoa quả ướp lạnh và kem trái cây	GMP	
04.1.2.3	Quả ngâm dấm, dầu, hoặc nước muối	500	CS260
04.1.2.5	Mứt, thạch, mứt quả	500	
04.1.2.5	Mứt, thạch, mứt quả	500	CS296
04.2.2.3	Rau, củ (bao gồm nấm, rễ, thực vật thân củ và thân rễ, đậu, đỗ, lô hội) tảo biển ngâm trong dấm, dầu, nước muối hoặc nước tương	300	305, CS115
05.2	Sản phẩm kẹo cứng, kẹo mềm, kẹo nuga..., khác với các sản phẩm thực phẩm thuộc mã nhóm thực phẩm 050.1, 05.3 và 05.4	300	
05.3	Kẹo cao su	300	

06.4.3	Mỳ ống, mì dẹt đã được làm chín và các sản phẩm tương tự	GMP	
06.4.3	Mỳ ống, mì dẹt đã được làm chín và các sản phẩm tương tự	500	
12.2.2	Đồ gia vị	GMP	
12.5	Viên xúp và nước thịt	50	390&CS117
12.6.2	Nước chấm không ở dạng nhũ tương (VD: tương cà chua, tương ớt, sốt kem, nước thịt)	GMP	
12.6.2	Nước chấm không ở dạng nhũ tương (VD: tương cà chua, tương ớt, sốt kem, nước thịt)	GMP	CS306R

TURMERIC

INS	Tên phụ gia
100(ii)	Turmeric

Mã nhóm thực phẩm	Nhóm thực phẩm	ML (mg/kg)	Ghi chú
04.2.2.4	Rau đóng hộp, đóng chai (đã thanh trùng) hoặc đóng túi (bao gồm nấm, rễ, thực vật thân củ và thân rễ, đậu, đỗ, lô hội) và tảo biển	GMP	CS145
05.2	Sản phẩm kẹo cứng, kẹo mềm, kẹo nuga..., khác với các sản phẩm thực phẩm thuộc mã nhóm thực phẩm 050.1, 05.3 và 05.4	300	
05.3	Kẹo cao su	300	

NHÓM RIBOFLAVIN

INS	Tên phụ gia
101(i)	Riboflavin
101(ii)	Natri Riboflavin 5'-phosphat
101(iii)	Riboflavin từ Bacillus subtilis

Mã nhóm thực phẩm	Nhóm thực phẩm	ML (mg/kg)	Ghi chú
01.1.2	Đồ uống từ sữa, có hương liệu và/hoặc lên men (VD: sữa sô cô la, sữa cacao, bia trứng, sữa chua uống, đồ uống từ whey...)	300	52

01.2.1	Sữa lên men (nguyên chất)	300	CS243
01.3.2	Các sản phẩm tạo màu trắng cho đồ uống	300	
01.5.2	Các sản phẩm tương tự sữa bột và cream bột	300	
01.6.1	Pho mát tươi	300	
01.6.1	Pho mát tươi	GMP	CS221&CS 283
01.6.2.1	Pho mát ủ chín hoàn toàn (kể cả bề mặt)	300	
01.6.2.2	Bề mặt của pho mát ủ chín	300	
01.6.4	Pho mát đã qua chế biến	300	
01.6.5	Các sản phẩm tương tự pho mát	300	
01.7	Đồ tráng miệng từ sữa (VD: bánh putđinh, sữa chua quả hoặc có hương liệu...)	300	
02.2.2	Mỡ phết, mỡ phết dạng sữa và phết hỗn hợp	300	
02.3	Mỡ thể nhũ tương dạng dầu trong nước, bao gồm các sản phẩm hỗn hợp và/hoặc sản phẩm có hương liệu từ mỡ thể nhũ tương	300	
02.4	Đồ tráng miệng từ mỡ, không bao gồm các đồ tráng miệng thuộc mã nhóm thực phẩm 01.7	300	
03.0	Kem lạnh thực phẩm, bao gồm nước hoa quả ướp lạnh và kem trái cây	500	
04.1.1.2	Quả tươi đã xử lý bề mặt	300	4 & 16
04.1.2.4	Quả đóng hộp hoặc đóng chai (đã thanh trùng)	300	
04.1.2.5	Mứt, thạch, mứt quả	200	
04.1.2.6	Các sản phẩm từ quả dạng nghiền (VD: tương ớt) ngoại trừ các sản phẩm của mã thực phẩm 04.1.2.5	500	
04.1.2.7	Quả ngâm đường	300	
04.1.2.8	Sản phẩm chế biến từ quả, bao gồm: thịt quả nghiền, nghiền nhuyễn, lớp tráng bề mặt từ quả và sữa dừa	300	182
04.1.2.9	Đồ tráng miệng chế biến từ quả, bao gồm thức ăn tráng miệng từ nước hương liệu quả	300	
04.1.2.10	Sản phẩm quả lên men	500	
04.1.2.11	Nhân từ quả trong bánh ngọt	300	